

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29/12/2021
“V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình – Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Đào Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 29/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 538/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 570/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Văn R, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh R có mặt tại phiên tòa; Chị P vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/6/2021 và tại phiên tòa, anh R trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, năm 2018, anh và chị P chung sống như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, phần lớn là bất đồng quan điểm, nên anh thuê nhà để ở. Xuất phát từ những nguyên nhân trên, anh nhận thấy không thể

tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P .

- Về quan hệ nuôi con: Anh và chị P có một con chung tên Phan Thị Yến N , sinh ngày 12/7/2019. Anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có.

2. Chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh R chung sống như vợ chồng từ năm 2018, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, cuộc sống gia đình không có mâu thuẫn, do anh R có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên tự thuê nhà để ở. Chị không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Chị và anh R có một con chung tên Phan Thị Yến N, sinh ngày 12/7/2019. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người tham gia tố tụng: Chị P được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh R, chị P chung sống với nhau như vợ chồng năm 2018, nhưng không đăng ký kết hôn, trong cuộc sống có mâu thuẫn, anh R yêu cầu được ly hôn, chị P không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, anh R, chị P chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên quan hệ hôn nhân giữa anh R và chị P là không hợp pháp. Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn R và chị Nguyễn Thị P.

[2.2] Về quan hệ nuôi con:

Anh R và chị P thống nhất có 01 con chung tên Phan Thị Ngọc Y, sinh ngày 12/7/2019, hiện đang sống với chị P. Tại phiên tòa, anh R đồng ý chị P tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và anh Phan Văn R tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi con Phan Thị Ngọc Y trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Anh R và chị P thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ nợ: Anh R và chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Văn R và chị Nguyễn Thị P.

[2] Về quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị Pha tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Ngọc Y, sinh ngày 12/7/2019.

Anh Phan Văn R đồng ý cấp dưỡng nuôi con Phan Thị Ngọc Y, sinh ngày 12/7/2019 với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2021 cho đến khi con Phan Thị Yến N trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom

con của người đó theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Phan Văn R và chị Nguyễn Thị P thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về quan hệ nợ: Anh Phan Văn R và chị Nguyễn Thị P trình bày không có.

[5] Về án phí: Anh Phan Văn R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001587 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh Phan Văn R còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn R được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị P vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND+ VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (Q).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Dũng